

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẠI ĐÀ NẴNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34/2020/HS-PT**

Ngày: 22/12/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

 Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Nhật**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 13/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo **Bùi Thị T** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Bùi Thị T, sinh ngày 27/12/1985 tại tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi Văn S** (đã chết) và bà **Phan Thị H**, sinh năm 1966; có chồng là **Phạm Công T** và 04 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/11/2013, bị Công an xã Đ xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, ngày 09/12/2013 đã nộp phạt số tiền trên, bị bắt theo lệnh truy nã ngày 20/3/2019 và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2019 cho đến ngày 26/8/2019 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị T: Ông **Trần Đại H**, Luật sư Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị hại: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1977. Trú tại: Tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị hại bà Vũ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Bùi Thị T cùng gia đình chuyển từ tỉnh Ninh Bình vào thuê nhà và ở tại đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình sinh sống tại đây, Bùi Thị T không có nghề nghiệp, T chỉ ở nhà trông con, phụ giúp cho chồng. Khoảng thời gian cuối năm 2017, đầu năm 2018 thì Bùi Thị T quen biết các bà Lê Thị Thu H, Vũ Thị C, Nguyễn Thị T và Võ Thị Hồng T. Do cần tiền để tiêu xài nên trong quá trình quen biết các cá nhân trên, T đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để làm ăn, đáo hạn ngân hàng cho người khác, kinh doanh buôn bán bất động sản nhằm mục đích vay mượn tiền của các bà Lê Thị Thu H, Vũ Thị C, Nguyễn Thị T và Võ Thị Hồng T. Để tạo sự tin tưởng đối với những người cho vay, thời gian đầu Bùi Thị T thường vay khoản tiền không lớn, chỉ từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, vay trong thời hạn ngắn từ 03 - 05 ngày, trả tiền gốc và tiền lãi suất đầy đủ, đúng thời hạn. Với thủ đoạn như trên, sau khi vay được tiền thì T sử dụng tiền vay dùng xoay vòng để trả tiền nợ gốc, trả tiền lãi cho chính các cá nhân đã cho T vay tiền, sử dụng tiền vay của người này để trả cho người khác, sử dụng tiền vay để mua sắm nhiều tài sản cho gia đình và tiêu xài cá nhân. Đến khoảng tháng 7/2018, khi không có khả năng trả nợ để tiếp tục vay tiền, xoay vòng trả tiền nợ gốc và tiền lãi thì Bùi Thị T đã cùng gia đình bỏ đi khỏi địa phương, trốn tránh trách nhiệm trả nợ, chiếm đoạt toàn bộ số tiền đã vay. Cụ thể bị cáo Bùi Thị T hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Vũ Thị C như sau:

Thông qua mối quan hệ quen biết với bà Vũ Thị C, từ khoảng cuối tháng 02/2018, lấy lý do cần tiền để làm ăn, kinh doanh, Bùi Thị T đã nhiều lần vay tiền của bà C, để tạo sự tin tưởng cho bà C, thời gian đầu T chỉ vay mỗi lần từ 50.000.000 đồng - 60.000.000 đồng, thời gian vay 03 - 04 ngày, khi vay không làm giấy tờ vay mượn, không thể chấp giấy tờ hoặc tài sản bảo đảm, lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Những lần vay mượn tiền này, Bùi Thị T đều trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ, đúng thời hạn cho bà Vũ Thị C.

Khoảng cuối tháng 4/2018, sau khi đã tạo được sự tin tưởng cho bà C, Bùi Thị T tiếp tục nhiều lần hỏi vay tiền của bà Vũ Thị C để làm ăn kinh doanh, vì tin tưởng T nên bà Vũ Thị C đã nhiều lần cho T vay tiền. Những lần vay mượn tiền đều được bà C ghi vào sổ và T ký xác nhận, còn lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau khi vay được tiền

của bà Vũ Thị C thì Bùi Thị T không làm ăn kinh doanh mà sử dụng tiêu xài cá nhân, mua sắm nhiều tài sản cho gia đình và sử dụng quay vòng để trả tiền gốc, tiền lãi cho bà Vũ Thị C và một số cá nhân khác. Những lần vay mượn tiền này, Bùi Thị T chỉ trả tiền lãi cho bà C, không trả tiền gốc. Đến tháng 7/2018, do không trả tiền lãi vay nên không tiếp tục vay mượn tiền được nữa nên Bùi Thị T đã viết 01 Giấy mượn tiền đề ngày 20/5/2018, nội dung thể hiện Bùi Thị T vay của bà Vũ Thị C số tiền 5.340.000.000 đồng, sau đó bỏ trốn.

Ngoài ra, bị cáo T còn chiếm đoạt của bà Lê Thị Thu H là 1.941.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị T số tiền 830.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Võ Thị Hồng T số tiền 1.500.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã thu thập mẫu chữ viết, chữ ký của Bùi Thị T và trưng cầu giám định các Giấy mượn tiền do các bà Vũ Thị C, Võ Thị Hồng T và Nguyễn Thị T giao nộp. Tại kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chữ ký, chữ viết trên các Giấy mượn tiền là của Bùi Thị T.

Với các nội dung trên,

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 13/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2019 đến ngày 26/8/2019.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, quyết định về phần án phí sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2020, bị hại bà Vũ Thị C kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Vũ Thị C trình bày, ngay sau khi xét xử sơ thẩm, vừa ra công trụ sở của Tòa án, bị cáo không những không xin lỗi mà còn có thái độ, lời nói xúc phạm bị hại, coi thường pháp luật, do vậy, bà C vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu: Về tổ tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tổ tụng và tham gia tổ tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không

chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị C, giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Bùi Thị T.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư ông Trần Đại Huân, trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội, mức án 14 năm tù là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị T: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định. Nội dung hành vi phạm tội thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 2/2018 đến tháng 6/2018 bằng nhiều thủ đoạn gian dối, tạo sự tin tưởng đối với những người bị hại, bị cáo T đã thông qua việc vay, mượn của nhiều người nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của một số người bị hại. Cụ thể bị cáo đã vay, mượn sau đó bỏ trốn để chiếm đoạt của bà Lê Thị Thu H số tiền 1.941.000.000đ, của bà Vũ Thị C số tiền 5.340.000.000đ, của bà Nguyễn Thị T số tiền 730.000.000đ, của bà Võ Thị Hồng T số tiền 1.500.000.000đ. Tổng cộng đã chiếm đoạt 9.511.000.000đ. Tuy nhiên, những người bị hại chỉ yêu cầu bồi thường 5.230.000.000đ.

Xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần, với số tiền rất lớn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, gây dư luận xấu trong nội bộ nhân dân. Đối với những người bị hại cũng vì nhẹ dạ cả tin, nghe theo bị cáo, góp phần tạo ra hậu quả cho bản thân mình và gia đình. Tạo điều kiện cho bị cáo chiếm đoạt số tiền rất lớn.

Với hành vi phạm tội của bị cáo tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xem xét kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bị hại Vũ Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức án 14 năm tù. Xét thấy, sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đã bỏ trốn và đã bị bắt theo lệnh truy nã, trong quá trình điều tra xét xử bị cáo và gia đình bị cáo chưa bồi thường khắc phục được khoản tiền nào cho những người bị hại, thậm chí sau khi đã bỏ trốn bị cáo còn tiếp tục liên lạc lừa dối bị hại Lưu Thị Thu H để chiếm đoạt thêm một số tiền, thể hiện quyết tâm thực hiện

tội phạm đến cùng, nhưng được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại, hoặc khắc phục hậu quả*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa xác đáng, chưa sát đúng quy định của pháp luật. Theo như đơn kháng cáo, lời trình bày của bị hại cũng như diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo không hề tỏ thái độ biết lỗi, không thể hiện một hành vi, lời nói gì để thể hiện sự ăn năn, hối hận về việc làm của mình trước Tòa án cũng như đối với người bị hại. Nhận thấy, theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, với hành vi phạm tội của bị cáo T có mức hình phạt “*từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân*” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 14 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Thị C, xử tăng hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bà Vũ Thị C không phải chịu.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị hại Vũ Thị C về việc yêu cầu xử tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HSST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; điểm b, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị T 15 (mười lăm) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (bị cáo được trừ lại thời hạn tạm giam từ ngày 20/3/2019 đến ngày 26/8/2019).

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm h, khoản 2, Điều 23, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Vũ Thị C không phải chịu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc Kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV - CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; UBND xã Ia Băng (thay TB kết quả xét xử);
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi